

SỐNG VĂN HÓA Ở LÀNG TRANH ĐÔNG HỒ QUA GÓC NHÌN NHÂN HỌC BIỂU TƯỢNG

NGUYỄN VĂN HẬU

Tóm tắt

Lịch sử văn hóa của mỗi vùng đất đều được phản ánh trong toàn bộ những “di sản văn hóa vật thể” (Tangible) và “di sản văn hóa phi vật thể” (Intangible). Do vậy, sự hiện diện của một làng tranh dân gian và nghề hàng mã suốt gần 500 năm, từ đầu thế kỷ thứ 16 đến nay, cùng với những di sản văn hóa truyền thống như đình, đền, chùa, miếu, v.v... và những hoạt động lễ hội cổ truyền được tổ chức hàng năm đã nói lên được bề dày lịch sử văn hóa lâu đời của vùng quê hương làng nghề kinh Bắc. Vì thế việc tìm hiểu đời sống văn hoá một làng nghề như làng tranh Đông Hồ sẽ giúp chúng ta khám phá được những giá trị văn hóa chưa được khai thác, thậm chí có nguy cơ mai một. Cần làm cho các di sản này sớm được hồi sinh góp phần giữ gìn được bản sắc văn hóa - dân tộc trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1. Giới thiệu chung về làng tranh Đông Hồ

Mỗi vùng, miền trên đất nước Việt Nam, chúng ta đều có thể tìm thấy một dấu ấn riêng, một “bản sắc văn hóa” độc đáo, mang giá trị truyền thống dân tộc. Làng tranh Đông Hồ cũng có một đời sống văn hóa đặc biệt như vậy. Đây là nơi hội tụ và bảo tồn di sản văn hóa cổ truyền từ rất lâu đời. Làng có tên là Đông Hồ, thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (xưa kia còn gọi là làng Mái). Nơi đây hiện còn lưu giữ một dòng tranh dân gian cổ xưa nhất của vùng đất Kinh Bắc - “Tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ”. Trong các dòng tranh dân gian như tranh Hàng Trống (Hà Nội), tranh Kim Hoàng (Hà Tây), tranh làng Sình (Huế).v.v... (mỗi dòng tranh đều có sắc thái và kỹ thuật riêng), dòng tranh dân gian Đông Hồ (Dongho’s Folk Paintings) là loại hình nghệ thuật độc đáo nhất và gần gũi với đại đa số người dân Việt Nam, bởi nó gắn liền với mọi làng quê, thôn xóm, với đời sống bình dị của người nông dân chân lấm tay bùn. Và hơn hết, hình tượng (image) cùng tính biểu tượng (symbolic) trong dòng tranh này đã biểu hiện đậm nét bản sắc văn hóa - dân tộc.

“Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong

*Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp”**

Làng Đông Hồ là một làng nhỏ (có hơn 220 hộ dân) nằm bên bờ nam đê sông Đuống, cách Hà Nội khoảng chừng 35km về hướng đông. Người dân nơi đây sống bằng nghề làm tranh nhiều hơn là làm nông nghiệp. Ngày xưa, hầu như gia đình nào cũng biết làm tranh cùng với nghề làm mã. Làng tranh trải qua biết bao nhiêu thăng trầm. Từ cuối thế kỷ XIX cho đến khi Việt Nam giành được độc lập là thời kỳ cực thịnh của làng tranh. Đến những năm kháng chiến chống Pháp do chiến tranh tàn phá khốc liệt, nghề làm tranh tạm thời đứt đoạn. Từ khi hòa bình lập lại ở miền Bắc cho đến khi đất nước thống nhất, làng tranh mới có cơ hội “phục sinh”. Song, qua mấy chục năm thời kỳ đổi mới theo nền kinh tế thị trường cùng sự tác động của các xu hướng nghệ thuật phương Tây đã làm đảo lộn thị hiếu và nhận thức xã hội. Dòng tranh Đông Hồ lại phải đối mặt với sự tồn vong của chính mình. Hiện nay, số gia đình

chuyên làm tranh còn lại quá ít và hầu như cả làng đều chuyển qua làm nghề hàng mã để sinh sống. Chỉ vì một lý do duy nhất là không tìm được đầu ra cho tranh mà một dòng tranh dân gian nổi tiếng với bề dày lịch sử rất lâu đời trở nên bị mai một.

Lịch sử văn hóa của mỗi vùng đất đều được phản ánh trong toàn bộ những “*di sản văn hóa vật thể*” (Tangible) và “*di sản văn hóa phi vật thể*” (Intangible). Vì vậy, sự hiện diện của nghề làm tranh dân gian suốt gần 500 năm nay (do các cụ già làng cho biết) cùng với những di sản văn hóa truyền thống như *đình, đền, chùa, miếu.v.v.* và những hoạt động *lễ hội cổ truyền* được tổ chức hàng năm, đã nói lên được bề dày lịch sử văn hóa lâu đời của vùng quê hương làng nghề kinh Bắc.

2. Đời sống văn hóa tâm linh ở làng tranh Đông Hồ

Hằng năm cứ vào ngày 15 tháng 3 âm lịch, theo tập tục địa phương thì dân làng Đông Hồ lại tổ chức lễ hội (lễ rước nước chỉ tổ chức 5 năm một lần). Nguồn gốc lâu đời của lễ hội làng tranh là lễ hội nông nghiệp, nhưng trong quá trình “*biến đổi*” xã hội thì lễ hội nơi đây đã chuyển dần sang lễ hội làng nghề, mang ý nghĩa xã hội, lịch sử và văn hóa phong phú.

Có thể nói, lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa - cộng đồng, đáp ứng nhu cầu “*tâm linh*” không thể thiếu trong đời sống của mỗi cộng đồng dân tộc. Nó thuộc phạm vi lối sống, bởi vì trong các phong tục, tập quán của dân tộc, ta thường thấy chuỗi hành động biểu trưng hiện ra như một nghi thức đời thường và nhất là trong nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo. Các hành vi mang “*tính biểu tượng*” được con người biểu hiện ra trong đời sống hàng ngày là nhờ trí khôn của con người mà có, bởi lẽ, yếu tố hàng đầu của văn hoá chính là sự hiểu biết. Trí khôn của con người được tích lũy trong quá trình học tập, lao động sản xuất và đấu tranh với tự nhiên suốt chiều dài lịch sử nhân loại, để duy trì và phát triển cuộc sống của mỗi cộng đồng dân tộc. Chính vì vậy, văn hóa được xem là “*giá trị tinh thần*” nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu tinh thần của con người. Nhà Nhân học Ruth Benedict đã nhận định rằng: “*Văn hóa là những hành vi (lối sống) do con người học được, chứ không phải là sự kế thừa sinh học*”.(1)

Nói khác đi, có thể xem: “*Văn hóa là phương diện tinh thần của thế giới nhân tạo, là toàn bộ yếu tố tinh thần ổn định có ở mỗi con người, hoặc nhóm người, gắn liền với cái gọi là ký ức thế giới hay ký ức xã hội. Chúng được vật thể hóa thành hiện vật văn hóa - ngôn ngữ biểu tượng*” (Nhà Nhân học Abraham Môlơ). (1)

Theo toàn thư quốc tế về phát triển văn hoá (International Thesaurus on Cultural Development) của UNESCO: “*Văn hoá là một tập hợp các hệ thống biểu tượng, nó quy định cách ứng xử của con người và làm cho một số đông người có thể giao tiếp với nhau, liên kết họ lại thành một cộng đồng riêng biệt*”. (2, tr.164)

Những quan điểm trên đã khẳng định rõ ràng, văn hoá là “*sản phẩm tinh thần*” của con người, cũng là dấu hiệu riêng chỉ có ở loài người. Đó chính là sự hiểu biết, tình cảm và “*trí khôn*” của con người được biểu hiện ra bằng “*các hệ thống biểu tượng*” nhằm phân biệt giữa con người với con vật. Một số nhà Nhân học văn hoá gọi con người là động vật biết sáng tạo và sử dụng biểu tượng (Homo- symboling)

Vậy biểu tượng là gì? Có thể hiểu biểu tượng là “*hình ảnh tượng trưng*” được phô bày ra khiến người ta cảm nhận một giá trị trừu tượng nào đó. Từ điển La Rousse

viết: “*Biểu tượng là dấu hiệu hình ảnh, con vật sống động, hay đồ vật biểu hiện một điều trừu tượng, nó là hình ảnh cụ thể của một sự vật hay điều gì đó*” (3).

Về việc nghiên cứu biểu tượng (symbol study), các nhà khoa học trên thế giới đã đề cập đến từ lâu thông qua các chuyên ngành khoa học khác nhau như: *triết học, tâm lý học, ngôn ngữ học, ký hiệu học*... và gần đây, có chuyên ngành “*nhân học biểu tượng*” cũng nghiên cứu lĩnh vực này. Nó còn được biết đến với một cái tên khác là “*nhân học diễn giải*” (interpretive anthropology) một môn học mới, chuyên giải thích văn hoá thông qua “*ý nghĩa*” của các hệ thống biểu tượng.

Thông thường, khi bước đầu tiếp cận với lễ hội, chúng ta rất dễ có cảm nhận về một cuộc lễ bái hay đám rước của một số đông người đang đắm mình trong không gian *thần thánh*, để cầu xin một phúc lành nào đó ở đáng “*siêu nhiên*”. Nhưng qua tìm hiểu và trực tiếp tham gia vào sinh hoạt lễ hội, có thể nhận ra rằng, con người ở đây muốn có sự thăng hoa bản thân, muốn vượt khỏi cái ngưỡng của thời gian hiện thực để nhập thân vào một thế giới khác - thế giới của các “*biểu tượng*” (Symbols) - thế giới của văn hoá.

Lễ hội giữ một phần quan trọng trong đời sống tâm linh của cả cộng đồng làng. Vì thế, ngôi đình được xem là một biểu tượng văn hóa “*linh thiêng*” nhất - nơi thờ phụng các bậc thần linh (nhiên thần hoặc nhân thần). Đó là những người có công trong việc khai hoang lập ấp, dạy nghề cho dân hoặc giúp dân đánh giặc. Nơi đây các Thành hoàng làng đã được triều đình sắc phong trở thành những “*biểu tượng thần linh*” luôn bảo hộ, che chở cho dân trong làng, xã.

Ở làng tranh Đông Hồ có một ngôi đình cổ rất lâu đời. Trước đây đình ở ngoài bờ sông, nhưng do nước sông dâng lên thường xuyên nên phải di chuyển vào vùng đất cao như hiện nay, việc chuyển dời đình đã được thực hiện vào năm Đinh tỵ cách đây hơn 100 năm. Đình làng Đông Hồ đã được công nhận là “*di tích lịch sử văn hóa*” từ năm Quý Dậu (1993) và mới đây được trùng tu lại vào năm Ất Dậu (2005).

Biểu tượng Thành hoàng làng của đình Đông Hồ là một “*nhiên thần*” có tên là “*Phổ Tế Trán Bắc Đại vương - Thượng Đẳng Thần*” có từ đời vua Tự Đức. Truyện kể rằng, có một lần thuyền vua Tự Đức đi ngang qua nơi đây, bỗng nhiên có một trận cuồng phong, mưa gió nổi lên, nhà vua ra lệnh dừng thuyền và cho người tìm hỏi dân làng gần đây có đình, chùa nào linh thiêng không? Dân sở tại cho biết, làng có một ngôi đình thờ đức ông “*Phổ Tế Trán Bắc Đại vương*” và một đền thờ đức bà “*Diệu Linh Tiên chúa*” rất linh thiêng. Vua Tự Đức nghe xong, liền ra lệnh sắc phong cho vị đức ông là: “*Bác trạch hoàng thi phổ huệ đôn ngưng chi thần*” và vị tiên bà là: “*Cổ mẫu đại nạn diệu linh tiên chúa*”.

Về sau, đời vua Khải Định cử niên tái sắc phong cho đức ông là: “*Dực bảo trung hưng phổ tế trán Bắc Đại vương*” và sắc phong cho đức bà là: “*Túy mục thượng đẳng thân*”. Có lẽ, vì thế mà hướng đình làng Đông Hồ đã được dân làng chọn nhìn về hướng Bắc, thay vì quay về hướng Nam như các ngôi đình khác. Ngoài đình và đền ra, trong bảng khai thần tích của làng, không thấy ghi chép một ngôi chùa nào (4).

Trong dịp mở hội làng, mọi người ở khắp nơi đều muốn giành chút thời gian trở về làng dự hội, qua đó, có nén tâm hương cùng với tấm lòng thành kính dâng các

bạc “*thần linh*” để cầu mong các ngài phù hộ cho được ấm no và hạnh phúc. Có thể nói, vai trò tín ngưỡng của ngôi đình trong tâm thức của người dân làng Đông Hồ là rất quan trọng. Nó thuộc về “*nhu cầu tâm linh*” không thể thiếu được trong đời sống văn hóa ở nơi đây.

Qua cầu Thanh Trì vài ki lô mét là đã lên được bờ đê sông Đuống, đi khoảng hơn 20 ki lô mét nữa là đến dốc đê quen thuộc dẫn vào ngôi đình của làng Đông Hồ nổi tiếng. Đứng trên dốc đê, từ xa đã nhìn thấy trên mặt hồ (cạnh bên ngôi đình) có một chiếc thuyền rồng chở các liền anh, liền chị với trang phục cổ truyền đang đi quanh khu vực hồ để hát dân ca quan họ. Tiếng trống phách, đàn hát qua loa phóng thanh vang dội khắp cả vùng. Trên mặt hồ còn thả nổi những chiếc “*Đền kéo quân*” hình lục giác khổng lồ, cao quá đầu người với nhiều màu sắc rực rỡ cùng hòa sắc với những lá cờ hội (cờ ngũ sắc) cắm dọc hai bên hồ tạo nên sắc thái lung linh cho những ngày lễ hội.

Dọc trên đường đi vào ngôi đình thấy có treo nhiều đèn lồng tròn màu đỏ trông rất đẹp mắt. Hai bên đường có khá nhiều cửa hàng bán những món đồ lưu niệm cùng với các hàng quán giải khát trông thật nhộn nhịp. Đi gần đến ngôi đình nhìn thấy có một tấm băng rôn dài màu đỏ giăng ngang qua đường làng với dòng chữ vàng “*Lễ hội đình làng Đông Hồ năm 2011*”. Gần đây, trên một bãi đất rộng của làng có tổ chức các trò chơi dân gian như đu quay, đấu cờ người, chọi gà, đá bóng. v.v...được diễn ra thật sôi nổi, góp phần tạo thêm không khí tung bừng, náo nhiệt cho ngày hội.

Vào đến đình, nhìn thấy một lá cờ hội (cờ ngũ hành) rất to treo ở trên cao phía bên trái cổng tam quan, giữa lòng cờ thêu nổi bốn chữ “*Quốc thái dân an*” làm tăng thêm vẻ uy nghiêm cho ngôi đình và tô đậm thêm ý nghĩa cho lễ hội “*Kỳ yên*”. Theo nguyên tắc “*Phong thủy*” truyền thống, ngôi đình Đông Hồ được xây dựng trên một vùng đất cao, mặt đình quay về hướng Bắc đối mặt với con sông Đuống, còn lưng của đình tựa vào đồi Tam Á (cách đó không xa), nơi có lăng Sỹ Nhiếp tọa lạc. Điều đó cho thấy ngôi đình được xây dựng đúng theo nguyên tắc địa lý cổ xưa, theo hướng: “*Đầu đội sơn, chân đạp thủy*” để có được thế đất vững chắc và lâu dài cho ngôi đình. Phía trước đình có xây một “*Hồ bán nguyệt*” khá rộng tạo thành “*Minh đường*” (cung tụ sáng) - do ánh nắng rọi xuống mặt hồ phản chiếu lên, tỏa sáng cho cả ngôi đình. Với thế đất “*tụ thủy*” - theo quan niệm dân gian, ngôi đình sẽ giúp cho dân làng có được phúc lộc tràn đầy, nghìn đời hưng thịnh.

Ngay phía sau hồ bán nguyệt còn được xây thêm một “*Án phong*” (bình phong cản gió) to cao, mặt trước có đắp nổi biểu tượng “*Phi long hoán vũ*” (Rồng bay chuyển mưa) trông rất uy vũ. Hình ảnh bảy tia nước phun từ mõm rồng xuống mình con cá phía dưới là biểu tượng cho sức mạnh của “*Thái dương tinh vân*” (bảy sắc của mặt trời) áp đảo “*Hắc ngư tinh*” (thủy quái). Xung quanh biểu tượng rồng và nước còn gắn 7 chiếc gương nhỏ hình tròn phản chiếu ánh sáng mặt trời về phương Bắc với ý nghĩa “*Trấn Bắc bình Nam*” (trấn áp phương Bắc để phương Nam được bình yên). Điều này tương ứng với việc vua Khải Định đã sắc phong cho vị Thành hoàng nơi đây là “*Dục bảo trung hưng phổ tế trấn Bắc Đại vương - Thượng đẳng thần.*” Hai bên bức “*Án phong*” có đắp nổi hai câu đối: “*Thiên ngoại kiến thanh sơn*” (Ngoài trời thấy núi xanh); “*Tiền trì tiêu cựu thủy*” (Trước hồ tiêu nước cũ). Ý muốn nói đến cuộc sống thanh bình và đổi mới ở nơi đây.

Cổng tam quan của ngôi đình được xây dựng theo kiến trúc truyền thống, giống như mọi ngôi đình cổ xưa ở vùng Bắc bộ. Ở trên đầu hai cột cổng chính thiết kế hai khối trụ hình vuông có mái uốn cong với những hoa văn trang trí tinh vi và khéo léo. Trên đỉnh nóc của chúng có biểu tượng “*kỳ lân*” ngời, tạo uy thế cho ngôi đình. Hai cổng bên thấp hơn cổng chính, có đắp nổi hình mái uốn cong với những hoa văn trang trí tinh xảo, theo phong cách cổ điển. Mặt dưới của mái che có đắp nổi các chữ Hán ngay mặt trước. Tất cả 6 chân cột của cổng tam quan cũng có đắp nổi những dòng chữ Hán với các vế đối nhau. Hình thức của cổng tam quan trông rất đẹp và bề thế, kết hợp với nét lượn cong của hồ bán nguyệt khiến cho cụm kiến trúc này nhìn từ ngoài vào trông vừa đồ sộ lại vừa cổ kính, đồng thời cũng đạt được tính mẫu mực của một công trình kiến trúc cổ.

Qua cổng tam quan vào đến sân đình, nhìn thấy ngay bộ lư hương và hai chân đèn bằng đá to cao ngang ngực người, đặt ngay giữa sân đình trước bàn hương án để mọi người đến đây thắp hương từ ngoài bãi vọng. Trên bậc thềm, ở hai bên góc chái đình có đặt đôi ngựa trắng rất to. Tiếp theo, bên cạnh đôi ngựa là hai pho tượng “*Tiêu điện*” và “*La sát*” bằng mã (nam thân mặt xanh, nữ thân mặt trắng), cao bằng người thật đặt đứng hai bên đại điện trông rất tôn nghiêm. Ngoài ra, dưới sân đình còn bày thêm đôi chiêng và trống to cùng hai hàng “*bát bửu*” để tạo nên không gian thiêng liêng và nét uy linh cho ngôi đình trong ngày hội lễ. Hai bên sân đình có bày hai dãy bàn ghế dùng để tiếp khách. Trên bức tường bên trái của đình có treo một tấm phông rất to ghi hàng chữ “*Lễ hội kỳ yên làng Đông Hồ*” nhằm nói rõ mục đích lễ hội “*cầu an*” của một làng nghề truyền thống, khác với lễ hội “*cầu mát*” của một làng nghề thuần nông.

Ngôi đình làng Đông Hồ được trùng tu, xây dựng lại theo kiến trúc hình chữ Đinh, tạo nên bởi tòa hậu cung nổi vuông góc với gian đại đình. Gian đại đình bao gồm một tòa 5 gian 2 chái, kết cấu 8 hàng chân cột, mỗi hàng 4 cột với tổng số là 32 cột gỗ lim cứng, tạo nên thế vững chắc cho ngôi đình. Bề ngang ngôi đình rộng 12m, nếu kể cả hai chái hai bên (mỗi bên 2,5m chiều ngang) tổng cộng là 17m. Chiều dọc của ngôi đình là 12m (gồm 6m gian đại đình và 6m hậu cung). Đình tuy tu tạo lại mới được 6 năm, nhưng do kế thừa hầu hết phần thiết kế nội cung của ngôi đình cổ trước đây, nên khi hoàn thành vẫn giữ được sự uy nghiêm, cổ kính như hiện nay (chủ yếu là phần bên trong ngôi đình). Kết cấu vì kèo theo kiểu “*Chông rường giá chiêng, hạ bẩy*”, trên các đầu dư, đầu bẩy, xà ngang, cốn nách, câu đầu...đều có chạm khắc các hình trang trí hoặc hoa lá với kỹ thuật khá tinh vi và có giá trị mỹ thuật cao. Kiểu nhà 2 mái lợp ngói mũi hài tạo nên sự hài hoà và thông thoáng. Trên nóc đình có đắp nổi biểu tượng “*Lưỡng long châu nguyệt*” tạo nên sự uy nghiêm cho ngôi đình.

Tuy nhiên, trong quá trình trùng tu lại ngôi đình Đông Hồ, nếu như mái đình được “*phục chế*” lại theo dáng “*hình thuyền*” như các ngôi đình cổ ở miền bắc thì nó sẽ đẹp và uy nghi hơn, bởi lẽ, ngay từ thế kỷ 17 các nhà kiến trúc xưa đã xoá bớt cảm giác trơ cứng của mái đình bằng những đầu đao cong vút lên ở bốn góc, giúp cho ngôi đình mềm mại, uyển chuyển và bay bổng. Đồng thời nếu bề hai mặt đứng của tam giác đốc để tạo ra thế thức bốn mái thì ngôi đình sẽ trở nên cổ kính và bề thế hơn nhiều.

Hiện nay, từ góc nhìn toàn cảnh để xem xét cụm di tích đình Đông Hồ, ta thấy nó bị tách ra làm hai hệ thống. Hệ thống bên ngoài là “*cổng tam quan và hồ bán*

nguyệt” còn hệ thống bên trong là ngôi đình. Nếu công trình kiến trúc bên ngoài trông rất đồ sộ, cổ kính và đạt tiêu chuẩn của một công trình kiến trúc cổ điển thì công trình kiến trúc bên trong lại rất đơn giản, mang tính lắp ghép, không đồng bộ với cụm di tích nơi đây. Màu sắc trang trí bên ngoài ngôi đình thể hiện theo phong cách phương Tây nên làm mất đi sự cổ kính của nó. Sự lắp ghép được biểu hiện rõ ở đôi cột to bằng xi măng cùng với hai pho tượng “*Thiên thân*”^{**} cho xây dính liền với hai chái đình. Từ ngoài nhìn vào trông giống như hai cái cột của cổng tam quan đứng biệt lập ở hai bên đình. Điều này đã làm giảm đi rất nhiều tính chất uy nghiêm và cổ kính của ngôi đình, đồng thời phá vỡ phong cách cổ điển của toàn bộ cụm di tích đình Đông Hồ.

Bước qua cửa chính vào bên trong ngôi đình, có thể thấy ngay sự tương phản rõ rệt. Bái đường - gian giữa của ngôi đình Đông Hồ là nơi tôn nghiêm, trang trọng nhất (nơi thờ tự và tổ chức nghi lễ trọng thể) được sắp đặt và trang trí thật lộng lẫy, không kém phần tinh xảo. Còn lại các gian khác có phần mờ nhạt hơn tạo nên một không gian huyền ảo mang màu sắc “*tâm linh*”. Nơi đây có nhiều hình thức trang trí phổ biến như: *rồng, phượng, hoa lá*. v.v... Tất cả các bài trí trong nội cung đều thiết kế theo mô hình thờ tự của các ngôi đình làng ở miền Bắc.

Bái đường đình Đông Hồ có một bộ cửa võng đặt phía trước, trên cao, gần chạm nóc đình, nằm ngay trước chính điện, trông rất uy nghi. Cửa võng được ghép khéo léo và chạm trổ hết sức tinh vi hình rồng phượng và hoa lá. Toàn bộ cửa võng được sơn son thếp vàng trông rất lộng lẫy. Trên cửa võng là tấm Hoành phi được chạm trổ công phu có ghi bốn đại tự bằng chữ Hán: “*Bác hậu sinh kim*” (phát huy và kế thừa tạo nên bền vững). Tiếp theo hai bên là hai câu đối như sau: “*Kinh Bắc lưu truyền thiên tải thịnh*” (Kinh Bắc lưu truyền ngàn năm thịnh); “*Đông hồ thủ bút vạn niên hùng*” (Đông Hồ chấp bút vạn năm hùng).

Dưới cửa võng có bàn hương án sơn son thếp vàng, chạm khắc cũng rất công phu. Trên bàn bày biện đồ thờ đầy đủ theo mô thức “*ngũ sự*”. Hai bên bàn hương án kê hai lục bình to và đôi “*rùa công hạc*” bằng gỗ, to cao quá đầu người. Tất cả, tạo thành một khung cảnh tôn nghiêm và lộng lẫy. Nơi đây, chính là tiền cung của khu vực bái đình và là nơi mở đầu cho các cuộc cử hành nghi lễ của đình.

Vào đến cung giữa của bái đình là nơi chính cung thờ tự. Nơi đặt Long đình - một biểu tượng thờ được xem như đại diện cho “*Thành hoàng làng*” của đình Đông Hồ. Long đình hình chóp bốn mặt được sơn son thếp vàng, chạm trổ tinh vi hình rồng mây hoa lá trông thật uy nghi, hoành tráng. Phía trên Long Đình là tấm Hoành phi với ba đại tự: “*Tung duy Nhạc*” (Núi cao duy nhất trong các núi). Hai bên là hai câu đối: “*Đình đại địa linh lâm ngự Vũ Ninh lưu truyền thiên tải thịnh*” (Thờ Đình, người tới ở đất thiêng, Vũ Ninh lưu truyền ngàn năm thịnh); “*Cù ty miếu đình thần tích Đông mai thủ bút vạn niên hùng*” (Thần tích miếu đình tuy thấp bé, đồng mai chấp bút vạn năm hùng). Hai bên Long đình là hai hàng Bát bửu trông rất trang nghiêm tạo nên sự uy vũ cho chính cung.

P phía trước Long đình là bàn thờ được bài trí đồ thờ tự khá đầy đủ theo mô thức “*Ngũ sự*” bao gồm: Bát hương, hai chân đèn nến, lọ lục bình để cắm hoa, mâm bông để đặt ngũ quả, cái kỷ ba tầng (Đài tam sơn) hoặc ba tráp gỗ hình trụ để 3 chén rượu. Cách bài trí như trên mang ý nghĩa biểu tượng là ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) như sau:

- Bát cấm hương tượng trưng cho hành Thổ (Chủ về Thần)
- Lọ cấm hoa tượng trưng cho hành Mộc (Chủ về Tinh dương)
- Mâm ngũ quả tượng trưng cho hành Kim (Chủ về Tinh âm)***
- Đai Tam sơn để rượu tượng trưng cho hành Thủy (Chủ về khí)
- Hai chân đèn nền tượng trưng cho hành Hỏa (Chủ về Nhật và Nguyệt)

Cách bày biện đồ thờ như trên theo quan niệm Âm, Dương, Ngũ hành của nền minh triết phương Đông đã tạo ra một hệ thống các “*biểu tượng văn hóa*” mang ý nghĩa “*tượng trưng*” hết sức độc đáo. Với hệ thống đồ thờ trên đây, có thể hiểu ban thờ mang ý nghĩa biểu tượng là *Tinh, Khí và Thần* (ba bảo vật) có trong mỗi con người. Chúng vô cùng quý giá, mất một trong ba yếu tố này, con người sẽ chết. Với nhận thức mang tính tượng trưng đối với các đồ thờ như vậy, mọi người cần phải gìn giữ chúng như gìn giữ một “*khuôn mẫu văn hóa*” truyền thống - dân tộc

Ở một góc nhìn khác, những đồ thờ nói trên còn được tượng trưng cho gương mặt của con người như: “Hai ngọn đèn tượng trưng cho đôi mắt” (Nhật và Nguyệt - hành Hỏa); “Bát cấm hương ở giữa tượng trưng cho cái mũi” (hành Thổ); “Lọ cấm hoa và mâm ngũ quả đặt hai bên tượng trưng cho hai cái tai” (hành Mộc và hành Kim); “Đai Tam sơn đựng rượu ở giữa tượng trưng cho cái mồm” (hành thủy). Hằng ngày, ta nhìn lên ban thờ như nhìn thấy “*gương mặt của chính mình*”, để mà lau chùi, gìn giữ cho sạch sẽ, không để tì vết, bụi bẩn. Có như vậy, mới nhận thấy hết được ý nghĩa của lĩnh vực “*văn hóa tâm linh*” và không để sa đà vào các hiện tượng mê tín, dị đoan, hay bị rơi vào trạng thái tâm lý cuồng tín tin vào những tà thuyết mang tính chất cực đoan, hoàn toàn xa lạ đối với những tôn chỉ của nền văn hóa - truyền thống dân tộc - Việt Nam.

Nhìn chung, các biểu tượng trong lĩnh vực tôn giáo truyền thống đều hàm chứa trong nó những “*chuẩn mực - giá trị*” cổ truyền.. Đó là những tư tưởng đạo đức mang giá trị nhân văn. Mỗi biểu tượng là một “*khuôn mẫu hành vi*” mang tính văn hóa, giúp cho con người hành xử thật đúng đắn đối với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

Ở hai bên hương án thờ, có đặt một đôi “*hạc đứng trên rùa*” (biểu tượng) bằng gỗ cao hơn đầu người. Chúng được giải thích như sau:

- Bạch hạc (chim) biểu tượng cho mẹ: “Địa” (quê khôn)